

DẪN LIỆU MỚI VỀ LOÀI RÙA CỔ SỌC *MAUREMYS SINENSIS* (GRAY, 1834) Ở QUẢNG NGÃI

NEW RECORD OF *MAUREMYS SINENSIS* (GRAY, 1834) IN QUANGNGAI REGION

Lê Thị Thanh¹, Đinh Thị Phương Anh²

¹NCS Động vật học, Đại học Huế, giảng viên Trường Đại học Đồng Tháp; Email: thanhthao710@gmail.com

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: phuonganhsinhthai@gmail.com

Tóm tắt - Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu về loài Rùa cổ sọc - *Mauremys sinensis* đồng thời bổ sung vùng phân bố của loài đến Quảng Ngãi (Bình Sơn). Nơi phân bố này được biết là giới hạn xa nhất về phía Nam của loài ở Việt Nam hiện nay. Trong vùng nghiên cứu có 9 cá thể Rùa cổ sọc phân bố ở độ cao từ 150m đến 600m, trung bình 300m so với mặt nước biển, tọa độ 15°19'9,5"-15°19'98"N, 108°36'5,5"-108°41'73"E. Trong đó 7 loài được xác định phân bố ở độ cao từ 400m đến 500m, sống ven khe suối trong rừng núi; 2 loài được ghi nhận phân bố từ 150m đến 260m, sống ở đầm lầy và kênh rạch. Đa số loài sống gần vực nước chảy chậm, nước tĩnh ven khe suối nhỏ dưới tán rừng hoặc đầm lầy, kênh rạch thuộc khu vực đồng bằng.

Từ khóa - rùa cổ sọc; họ rùa đầm; bộ rùa; lớp bò sát; vùng quảng ngãi.

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống phân loại động vật có xương sống, Rùa cổ sọc thuộc họ Rùa đầm - Geomydidae, bộ Rùa - Testudines [8], đây là loài quý hiếm [3], [4]. Kết quả nghiên cứu từ năm 2011 đến năm 2014 tại vùng đồng bằng bán sơn địa thuộc huyện Bình Sơn đã bổ sung vùng phân bố mới của loài đến Quảng Ngãi, miền Trung Việt Nam. Huyện Bình Sơn chứa đựng vùng đất ngập nước bán sơn địa xen lẫn rừng bao phủ núi từng là môi trường sống thích nghi, thuận lợi cho nhiều loài động vật hoang dã nói chung (theo niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2012). Vì vậy để có những dẫn liệu mới về đa dạng sinh học ở vùng Quảng Ngãi, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu tại đây.

Địa bàn khảo sát thuộc diện tích đất tự nhiên của 3 xã: Bình An, Bình Khương và Bình Chánh, được giới hạn địa lý: về phía Bắc giáp huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; phía Đông giáp biên Đông; phía Tây giáp huyện Trà Bồng và phía Nam giáp huyện Sơn Tịnh của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Phương pháp nghiên cứu

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Các đợt khảo sát được thực hiện từ năm 2011 đến năm 2014 tại vùng đồng bằng bán sơn địa thuộc 3 xã: Bình An, Bình Khương và Bình Chánh của huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Độ cao nơi thu mẫu từ 150m đến 600m, tọa độ nơi thu mẫu từ 15°19'9,5" đến 15°19'98"N; 108°36'5,5" đến 108°41'73"E.

Mẫu vật nghiên cứu gồm 7 cá thể Rùa cổ sọc lưu giữ trong dân và 2 cá thể gặp ngoài tự nhiên. Các cá thể rùa trong dân có nguồn gốc từ tự nhiên do người dân địa phương đi soi cá dọc theo các khe suối hẹp, đầm lầy và

Abstract - This paper presents the study results of the Chinese stripe-neck turtle and identifies the new distribution of this herpetofauna at QuangNgai (Binh Son) ,which is also the furthest distribution of the turtle in the South at this time . Nine species were found in the study area at the height of 150m -600m a.s.l, an average of 300m a.s.l, the coordinates from 15°19'9,5" to 15°19'98"N; from 108°36'5,5" to 108°41'73"E. Among them, 7 species are located at the height of 400m - 500m a.s.l, and they are living along small streams in the mountains; 2 species are recorded at the height of 150m - 260m a.s.l, and they live on marshes or canals .Most live near slow-flow or stagnant water sector in the forest canopy or on the marshes in the delta region..

Key words - chinese stripe-neck turtle; geomydidae; testudines; reptilia; Quangngai region.

kênh rạch tình cờ gặp rồi bắt về nhân nuôi trong bể nuôi gia đình. Sau khi chụp ảnh mẫu vật, đo các chỉ số hình thái và ghi nhận thông tin của loài sẽ thả mẫu ra ngoài tự nhiên hoặc gửi lại cho người dân. Đo các chỉ số hình thái bằng thước thẳng, cân trọng lượng bằng cân đĩa, chụp ảnh 3 mặt của mẫu vật (lưng, bụng, bên).

Để bổ sung và xác nhận thông tin về loài chúng tôi kết hợp phỏng vấn người dân địa phương trực tiếp bắt và lưu giữ các mẫu vật còn sống về nơi gặp, số lượng cá thể, thời gian, nguồn thực vật nơi gặp loài, trạng thái cá thể, đặc điểm của loài trong thời gian nuôi tại nhà, tình hình buôn bán và sử dụng loài ở địa phương cũng như các khu vực lân cận...

Xác định các số đo hình thái và đặc điểm nhận dạng dựa vào mẫu vật kết hợp tham khảo tài liệu của Bryan L. Stuart & nnk [2]; Douglas B. Hendrie & nnk [3]; Lê Nguyên Ngật [5]; Hoàng Xuân Quang & nnk [6], [7]; Đào Văn Tiến [9]... Tên loài và sự phân bố của loài theo Nguyen Van Sang et al., 2009 [8].

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc điểm hình thái

- Tên loài
 - + Tên khoa học: *Mauremys sinensis* (Gray, 1834).
 - + Các tên đồng vật: *Emys sinensis* J. E. Gray, 1834; *Ocadia sinensis* J. E. Gray, 1870.
 - + Tên thường gọi: Rùa cổ sọc; Rùa núi.
 - + Tên tiếng Anh: Chinese stripe-neck turtle.
 - Các số đo cơ thể
- Các số đo hình thái tính theo cm, tính khối lượng theo gam.

Bảng 1. Các số đo hình thái của Rùa cổ sọc ở Quảng Ngãi

	Cá thể 1	Cá thể 2	Cá thể 3	Cá thể 4	Cá thể 5	Cá thể 6	Cá thể 7	Cá thể 8	Cá thể 9
Dài mai (CL)	20	14,5	18	18,5	17,8	14	9,5	8,5	20,3
Rộng mai (CW)	17,2	11,2	14,5	14,6	14,0	9,5	7,5	6,2	17,5
Cao mai (CH)	9,5	7,0	8,0	8,1	7,4	5,5	4,6	4,2	9,8
Dài yếm (PL)	19,3	14,0	17,5	17,7	17,4	13,7	9,0	8,2	19,8
Dài đuôi (TL)	7,2	4,5	5,0	5,3	5,0	4,0	2,8	2,5	7,4
Khối lượng (W)	1300	420	830	840	825	300	110	100	1400

Đặc điểm nhận dạng

Mai gỗ cao, màu nâu đen, gờ sống lưng rõ. Đầu, cổ và chi có nhiều đường sọc trắng hiện rõ trên nền nâu nhạt, đường sọc có màu vàng ở hai bên đầu. Yếm màu tối, mỗi tấm yếm có vệt nâu xẫm, giới hạn giữa các tấm yếm bằng đường nổi trắng nhạt. Có 5 tấm sống, tấm thứ nhất có hình 5 cạnh và nhỏ hơn 4 tấm còn lại. Phía trước tấm thứ nhất rộng hơn phía sau, phía sau của tấm cuối rộng hơn phía trước. Yếm dài xấp xỉ mai, bờ trước yếm phẳng, bờ sau lõm hình chữ V. Dưới tấm bìa có những đường hồng nhạt. Mồm ngắn, vượt hàm dưới. Cổ có hạt nhỏ rải rác. Tấm nách, tấm bên màu nâu xám. Chi có vảy lớn tập trung gần các ngón. Chi trước có 5 ngón, chi sau 4 ngón, tận cùng các ngón có vuốt nhọn dài. Có màng bơi nổi giữa các ngón, không nối với vuốt ngón. Đuôi có gai nhọn, trên đuôi có những vệt tạo thành đường liên tục hay gián đoạn. Đặc điểm con non tương tự con trưởng thành.

**Hình 1.** Rùa cổ sọc - *Mauremys sinensis*.**3.2. Sinh cảnh sống của Rùa cổ sọc**

Theo khảo sát thực địa và phỏng vấn người dân địa phương biết được Rùa cổ sọc thường sống gần vực nước chảy chậm, nước tĩnh ven khe suối nhỏ dưới tán rừng hoặc đầm lầy, kênh rạch ở đồng bằng. Khe suối ở vùng nghiên cứu có lượng nước ít, lưu tốc yếu, có các khối đá nhỏ nhấp nhô, đất màu đen, nhiều lá cây mục, lòng suối hẹp có cây bụi mọc quanh. Núi tạo khối lớn, kéo dài tiếp giáp với vùng bờ biển, núi cao nhất nằm ở Bình An có độ cao 785m. Bao phủ núi bởi những khoảng rừng phục hồi và rừng trồng.

Bảng 2. Dẫn liệu về phân bố Rùa cổ sọc ở Quảng Ngãi

Cá thể Rùa cổ sọc	Độ cao (m)	Sinh cảnh		
		Ven khe suối	Đầm lầy	Kênh rạch
1	400	✓		
2	600	✓		
3	500	✓		
4	150		✓	
5	430	✓		
6	550	✓		

7	430	✓		
8	550	✓		
9	260			✓

Đa số cá thể của loài hoạt động đơn độc, ít gặp hoạt động cặp đôi, hiếm gặp hoạt động từ 3 cá thể trở lên. Về hoạt động của loài khi gặp gồm có 3/9 cá thể vừa đi chuyên vừa kiếm ăn, 6/9 cá thể chưa xác định được hành vi. Phát hiện cá thể đầu tiên vào năm 2011 trong lúc loài đi kiếm ăn dọc khe suối vào ban ngày, tại độ cao 400m.

Theo Bảng 2, loài phân bố ở độ cao từ 150m đến 600m, trung bình 300m so với mặt nước biển. Trong đó 7 loài được ghi nhận ở độ cao từ 400m đến 500m, đồng thời 7 loài này cũng phân bố ở ven khe suối trong rừng núi. Chỉ có 2 loài được xác định phân bố từ 150m đến 260m, sống ở đầm lầy và kênh rạch.

3.3. Phân bố

Ở Việt Nam, theo tài liệu của tác giả Nguyen Van Sang, et al. [8], Rùa cổ sọc phân bố ở các tỉnh Sơn La, Phú Thọ, Hà Tây, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Đà Nẵng, Quảng Nam. Như vậy, kết quả nghiên cứu ghi nhận mới cho khu hệ bò sát ở Quảng Ngãi và bổ sung vùng phân bố của loài đến vùng đồng bằng bán sơn địa thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Nơi phân bố này được biết là giới hạn xa nhất về phía Nam của loài ở Việt Nam hiện nay. Trên thế giới, loài được biết đến ở miền Nam Trung Quốc (Đảo Hải Nam), Đài Loan và Lào [8].

3.4. Mức độ nguy cấp và tình hình buôn bán, sử dụng loài

Mức độ nguy cấp: Theo luật bảo vệ và phát triển rừng CITES, Rùa cổ sọc có tên trong phụ lục II (Cấm buôn bán loài qua biên giới nếu không có giấy phép của cơ quan quản lý CITES) [3]. Trong sách Đỏ thế giới, loài ở mức nguy cấp (EN) [4]. Do vậy, việc bảo tồn loài thực sự cần thiết. Trong các đợt khảo sát và điều tra được biết có 2 lần gặp 2 cá thể một nơi, vì thế nguy cơ suy giảm số lượng cá thể của loài có thể xảy ra.

**Hình 2.** Bể nuôi Rùa cổ sọc trong nhà dân ở xã Bình Khương

Tình hình buôn bán và sử dụng loài: Theo khảo sát tại thương lái, chợ, quán ăn, nhà hàng ở huyện Bình Sơn được biết hiện tại chưa có mô hình nhân nuôi Rùa cổ sọc cung cấp thực phẩm ở địa phương. Sự xuất hiện loài ở nhà dân, chợ, nhà hàng đều có nguồn gốc từ tự nhiên do người dân đi soi bắt cá vào ban đêm hoặc ban ngày phát hiện thấy rồi bắt luôn. Do loài có giá trị làm thực phẩm và làm cảnh nên người dân địa phương thường giữ lại nuôi ở gia đình một thời gian dài, chờ được giá sẽ bán. Tại hộ gia đình, người dân đã xây bể có kích thước 4×9m² để nuôi giữ. Thức ăn của Rùa cổ sọc trong điều kiện nuôi là thực vật sẵn có tại địa phương như vỏ dưa hấu và rau muống. Trong quá trình nuôi nhốt nhận thấy màu sắc của loài không bị thay đổi so với màu sắc tại thời điểm gặp chúng ngoài tự nhiên, cá thể được có đuôi dài và gốc đuôi rộng hơn cá thể cái.

Tại một số quán ăn và nhà hàng, loài được chế biến theo kiểu cắt cho máu chảy rồi pha máu vào rượu còn thịt đem hấp hoặc nướng để nhậu. Một số người dân khá giả hiếu kỳ mua loài để nấu thành cao hoặc nuôi làm cảnh trong bể nuôi gia đình. Thương lái mua rùa trong dân rồi bán lại cho chủ thu mua ở các tỉnh lân cận nếu giá cao hơn. Đây là loài quý hiếm và có giá trị kinh tế nên áp lực khai thác lớn, theo điều tra chúng tôi, người dân địa phương đã dùng bình ác quy tự làm hoặc mua, có que dẫn điện chủ yếu đi soi cá, nếu thấy Rùa cổ sọc sẽ bắt luôn.

3.5. Những tác động đến loài và một số kiến nghị

Sự tồn tại của Rùa cổ sọc có mối quan hệ với môi trường sống cũng như nơi cư trú của chúng. Đa số cá thể rùa cổ sọc được tìm thấy trong rừng, nếu rừng bị tác động ô nhiễm vì nguyên nhân nào đó như sự khai thác tài nguyên từ gỗ quá mức làm cho rừng tự nhiên chuyển thành rừng phục hồi hay rừng trồng đều ảnh hưởng tới nguồn thức ăn (lá cây, quả chín và một số động vật nhỏ), nơi sinh sản và nơi trú ẩn của loài. Ảnh hưởng gián tiếp đến nguồn nước là môi trường liên quan trong quá trình sống của chúng. Đây là nguyên nhân dẫn đến một số loài sinh vật không gặp hoặc hiếm gặp ở một số vùng bị tác động mạnh từ hoạt động sống của con người.

Số lượng cá thể của loài ngoài tự nhiên còn bị suy giảm bởi hoạt động soi bắt, bẫy bắt động vật hoang dã theo thói quen nhằm đáp ứng nguồn thực phẩm hàng ngày của người dân địa phương, theo thị hiếu của một số người khá giả hiếu kỳ thích ăn động vật lạ hoặc nuôi làm cảnh. Người dân địa phương sử dụng động vật hoang dã chủ yếu cung cấp nguồn đạm trong bữa ăn hàng ngày, gặp loài có giá cao mới để bán. Đa số người dân trong vùng sống bằng trồng lúa, làm rẫy, ở gần biển thì khai thác thủy sản, một số ít gia đình không có đất sản xuất hoặc gia đình nhiều khẩu có đời sống khó khăn vẫn sống bằng săn bắt động vật hoang dã nói chung. Như vậy nhu cầu cung cấp nguồn đạm cho người dân và nhu cầu thị trường là một trong những nguyên nhân làm tăng áp lực khai thác tài nguyên thiên nhiên. Hoạt động nuôi nhốt Rùa cổ sọc thiếu khoa học vô tình làm hại chúng, số lượng loài

bị hao hụt do sự mất đề kháng cơ thể. Theo điều tra thì đa số người dân không chú tâm bắt một loài động vật mà gặp loài nào ăn được, bán được nhiều tiền là bắt hết.

Để giảm sức ép khai thác tài nguyên thiên nhiên nên dùng tổng hợp và đồng bộ nhiều biện pháp như tận dụng nguồn lực phát triển nông lâm thủy sản trong vùng hơn nữa nhằm nâng cao mức sống cho người dân. Chú trọng nâng cao đời sống cho người dân như tạo việc làm, hướng dẫn người dân phát triển kinh tế gia đình từ thực tế của địa phương hơn nữa, mục đích là giảm sức ép khai thác tài nguyên thiên nhiên. Tuyên truyền, xử phạt nghiêm và nâng cao nhận thức thường xuyên cho người dân về trách nhiệm cũng như các quy định pháp luật liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học nói chung.

Vùng nghiên cứu có cả đồng bằng, rừng núi, khu vực giáp biên vì vậy cần có kế hoạch nghiên cứu loài và quy hoạch khu vực chứa đựng môi trường sinh thái thích hợp cho các loài rùa nói chung trong đó có Rùa cổ sọc. Sự phát hiện 9 cá thể Rùa cổ sọc ở vùng ngập nước bán sơn địa Bình Sơn cho thấy sự tiềm ẩn giá trị đa dạng sinh thái trong vùng, cũng như giá trị liên kết sinh thái với khu vực lân cận (Quảng Nam) và còn là nơi chứa đựng môi trường sống thích nghi, thuận lợi trong bảo tồn loài.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho biết dẫn mới về loài Rùa cổ sọc - *Mauremys sinensis* (Gray, 1834) đồng thời bổ sung vùng phân bố của loài đến Quảng Ngãi (Bình Sơn). Nơi phân bố này được biết là giới hạn xa nhất về phía Nam của loài ở Việt Nam hiện nay. Tại vùng nghiên cứu, Rùa cổ sọc phân bố ở độ cao từ 150m đến 600m, nhiều loài tập trung nhất ở độ cao từ 400m đến 500m. Loài sống gần vực nước chảy chậm, nước tĩnh ven khe suối nhỏ dưới tán rừng hoặc đầm lầy, kênh rạch ở đồng bằng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, *Bò sát và lưỡng cư Vườn Quốc gia Cúc Phương*, Nxb Nông nghiệp, 2003.
- [2] Bryan L. Stuart, Peter Paul van Dijk and Douglas B. Hendrie, *Sách hướng dẫn định loại rùa Thái Lan, Lào, Việt Nam và Campuchia*, Cambodia, 2001.
- [3] Douglas B. Hendrie & nnk, *Tài liệu hướng dẫn thi hành luật về định dạng các loài rùa cạn và rùa nước ngọt Việt Nam*, Trung tâm Bảo tồn thiên nhiên, 2011.
- [4] IUCN, *Red List of Threatened Species*. Downloaded in 2 August, 2014.
- [5] Lê Nguyễn Ngật, *Đời sống các loài lưỡng cư và bò sát*, Nxb Giáo dục, 2007.
- [6] Hoàng Xuân Quang, Hoàng Ngọc Thảo, Andrew Grieser Johns, Cao Tiến Trung, Hồ Anh Tuấn, Chu Văn Dũng, *Ếch nhái, bò sát ở khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huông*, Nxb Nông nghiệp, 2008.
- [7] Hoàng Xuân Quang, Hoàng Ngọc Thảo, Ngô Đắc Chứng, *Ếch nhái, bò sát ở VQG Bạch mã*, Nxb Nông nghiệp, 2012.
- [8] Nguyen Van Sang et al., *Herpetofauna of Viet Nam*, Frankfurt am Main, 2009.
- [9] Đào Văn Tiên, "Về định loại rùa và cá sấu Việt Nam", *Tạp chí Sinh vật - Địa học*, 1978.